

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy chế Công khai trong trường học
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở GD;

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở GD;

Trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng GD thực tế



1.1. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ CB, GV, NV và phương pháp quản lý của nhà trường; chỉ tiêu về học lực, hạnh kiểm, chỉ tiêu chất lượng mũi nhọn...

1.2. Chất lượng giáo dục thực tế

Công khai về chất lượng giáo dục: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, thành phố; sân chơi quốc tế; tỉ lệ huy động số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6, số học sinh đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT.

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

1.3. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch rà soát cơ sở vật chất xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

1.4. Kiểm định nhà trường:

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ...

2.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo,...

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.

Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Công khai trên website của nhà trường.

Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.

Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm công khai

Công khai vào tháng 6 và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

+ Đưa lên website của nhà trường.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Minh Thúy	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Khúc Thị Thanh Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Nguyễn Thị Thanh Bình	Trưởng ban thanh tra ND	Ủy viên
4	Trần Thị Huyền	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
5	Phan Thùy Dương	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên
6	Phạm Văn Quý	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên



7	Tạ Thị Tuyết Sơn	Tổ trưởng tổ Toán-Tin-Công nghệ	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tổ trưởng tổ VP – Kế toán	Ủy viên
9	Nguyễn Tài Dũng	NVTBĐD, CNTT	Ủy viên

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024 - 2025 của trường THCS Lê Quý Đôn./.

Nơi nhận:

- BGH (để c/d);
- GV, NV (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
THCS
LÊ QUÝ ĐÔN

Nguyễn Thị Minh Thúy



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Công khai cam kết chất lượng giáo dục.

Năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Hội đồng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THCS Lê Quý Đôn năm học 2023-2024 (Có phụ lục kèm theo)

Hình thức công khai: Niêm yết ở văn phòng nhà trường; Công bố tại buổi họp HĐSP; Đưa lên trang Web của nhà trường theo địa chỉ <http://thcslequydon.longbien.edu.vn>.

Thời gian công khai: Từ ngày 18/6/2024 đến 24/6/2024

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị, bộ phận tài vụ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Thúy

Số: ~~48~~ TB-THCSLQĐ

Long Biên, ngày 18 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai thời điểm đầu năm học
Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

Căn cứ Thông tư số 36/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 60/KH-THCSLQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc thực hiện công tác Ba công khai năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình, nhiệm vụ thực tế của nhà trường,

Trường THCS Lê Quý Đôn thông báo về việc niêm yết nội dung Hai công khai của nhà trường như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025;
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023 – 2024 của

Trường THCS Lê Quý Đôn;

2. Địa điểm niêm yết công khai: Phòng Hội đồng Trường THCS Lê Quý Đôn

3. Thời gian công khai: Từ ngày 18/6/2024 đến hết ngày 24/6/2024

4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 18/6/2024 đến hết ngày 24/6/2024.

5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.

6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất sau 5 ngày làm việc.

Nơi nhận:

- CBGVNV;
- Lưu: VT, (02)0

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thúy

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 7 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN
PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 09: Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025.

Biểu mẫu 10: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024.

Biểu mẫu 11: Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025.

Biểu mẫu 12: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025.

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông
Năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS hoàn thành chương trình phổ thông cấp Tiểu học - Trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 6 - Có nơi thường trú hoặc tạm trú, lưu trú tại tổ dân phố 1,2,3,12, chung cư Ruby 3, Khu đô thị Vinhomes, phường Phúc Lợi; Có tạm trú tại phường Sài Đồng, quận Long Biên - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định	- HS sinh sống tại tổ dân phố 1,2,3,12,13,14,16, 17 thuộc địa bàn phường Phúc Lợi, quận Long Biên. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGDDT. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	- HS sinh sống tại tổ dân phố 1,2,3,16,17 thuộc địa bàn phường Phúc Lợi, quận Long Biên. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGDĐT. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	- HS sinh sống tại tổ dân phố 1,2,3,16,17 thuộc địa bàn phường Phúc Lợi, quận Long Biên. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGDĐT. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GDĐT Hà Nội			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp ít nhất 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong điều lệ trường THCS, học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện năng lực, phẩm chất để đạt kết quả cao.			



	của học sinh				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học . - Phòng học được trang bị đầy đủ: Ti vi, máy tính, bảng, ánh sáng, quạt , điều hòa, lớp học ấm về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. - Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ GDĐT. - Nhà trường giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, năm học 2024-2025			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phẩm chất đạo đức học sinh : 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Năng lực học tập : Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu trên 98% học sinh 6,7,8 lên thẳng lớp và 100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh 1 lần/năm, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 100%	Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 100%	Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 100%	Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 100%
		Duy trì sĩ số ổn định	Duy trì sĩ số ổn định	Duy trì sĩ số ổn định	Duy trì sĩ số ổn định

Long Biên, ngày 7 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Thúy

Biểu mẫu 10

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo KQRL (K6,7,8) và hạnh kiểm (K9)	814	314	250	165	86
1	Tốt(tỷ lệ % so với tổng số)	99.85	100	100	99.39	98.82
2	Khá(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0.61	1.18
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu/Chưa đạt(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	814	314	250	165	86
1	Giỏi/ Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	67.44	70.7	63.6	70.3	61.17
2	Khá(tỷ lệ % so với tổng số)	27.76	25.16	32.0	26.06	28.23
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	4.67	4.14	4.4	3.03	10.6
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0.12	0	0	0.61	0
5	Kém (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	814	314	250	165	86
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	99.39	100
a	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	67.44	70.7	63.6	70.3	61.17
b	Học sinh tiên tiến/ Khá(học sinh khá) (tỷ lệ so với tổng số)	27.76	25.16	32.0	26.06	28.23
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.12	0	0	0.61	0
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0



4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	31/55	1/0	19/44	5/7	6/4
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, NCKH, TDTT	125	88	29	4	4
1	Cấp quận	06	01	01	02	02
2	Cấp thành phố	02	0	0	0	02
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế (Sân chơi quốc tế)	117	87	28	2	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	86	0	0	0	86
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	86	0	0	0	86
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	47	0	0	0	55.29
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	28	0	0	0	32.9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	10	0	0	0	11.81
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	447/367	170/144	138/112	89/76	50/35
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	6	5	6	1

Long Biên, ngày 7 tháng 6 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 THCS
 LÊ QUÝ BÓN
 Nguyễn Thị Minh Thúy

Biểu mẫu 11

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	40	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	11	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	-
7	Bình quân lớp/phòng học	40/40	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40 hs/lớp	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8.833	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1200	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	67m2	40 hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	Từ 84-100m2	40 hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	300m2	120 hs
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	675m2	45-90 hs
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	Phòng Đoàn đội 59 m2 Phòng truyền thống: 64m2	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp



1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	6	6/6
1.2	Khối lớp 7	8	8/8
1.3	Khối lớp 8	7	7/7
1.3	Khối lớp 9	4	4/4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 7	5	-
2.2	Khối lớp 8	2	-
2.3	Khối lớp 9	1	-
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1270	1,5 hs/m2
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	88	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	-
2	Cát xét	0	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	-
5	Thiết bị khác...	0	-
6		0	-

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	-
2	Cát xét	0	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	-
5	Màn hình tương tác	04	-

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	270
XI	Nhà ăn	441

	Nội dung	Số lượng phòng,	Số chỗ	Diện tích bình
--	----------	-----------------	--------	----------------

		tổng diện tích (m ²)		quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04	0	04/04		0,4 m2/hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Long Biên, ngày 7 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Thúy

Biểu mẫu 12

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	52	0	3	41	2	2	4	14	7	0				
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	40	0	01	38	2	0	0	14	5	0				
1.	Toán	8			7	1			1	1					
2.	Lý	1			1				1						
3.	Hóa	4			3	1			1						
4.	Sinh	2		01	01				2						
5.	Ngữ văn	6			6				2	1					
6.	Tiếng Anh	5			5				2	1					
7.	GDCD	2			2				1						
8.	Lịch sử	2			2				1						
9.	Địa lý	1			1				1						
10.	Công nghệ	1			1					1					



11	Tin học	1		1			1						
12	GDTC	4		4			1						
13	MT	1		1				1					
14	ÂN												
15	TPT	1		1			1						
II	Cán bộ quản lý	2		2				2					
1	Hiệu trưởng	1		1				1					
2	Phó hiệu trưởng	1		1				1					
III	Nhân viên	5		4		1							
1	Nhân viên văn thư	1		1			1						
2	Nhân viên kế toán	1		1			1						
3	Thủ quỹ	0											
4	Nhân viên y tế	1				1							
5	Nhân viên thư viện	1				1		1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1				1					
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0									
8	Nhân	0		0									

N L
 CÔNG
 CS
 Đ
 1

	viên công nghệ thông tin														
9	NV bảo vệ	3						3							
10	NV tạp vụ	2						2							

Long Biên, ngày 7 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Minh Thúy

